

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 05/8/2021

*V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Sỹ Tố.

2. Bà: Phan Thị Quế .

Thư ký phiên tòa: Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Nam- kiểm sát viên .

Từ ngày 29/7/2021 đến ngày 05 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:72/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST –DS ngày 14/5/2021; 78/2021/QĐST –DS ngày 14/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST –DS ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Tr ; S năm 1963

Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An(có mặt)

- Bị đơn: Ông Thái Hữu Ch (Thái Văn Ch);

Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nh ; S năm 1963 ; Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

• *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Nh ; S năm 1963 ; Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị S ; S năm 1972; Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên

Thành, tỉnh Nghệ An

- Anh Phan Văn H ; S năm; địa chỉ: Xóm 6(Đồng vắng) xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An.
- Anh Phan Văn Ch ; S năm; địa chỉ: Xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, Nghệ An.
- Người đại diện theo ủy quyền cho bà S , anh H , Ch : Ông Phan Văn Tr ; S năm 1963; Địa chỉ: xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn Tr trình bày:**

Năm 1986 -1987 ông Phan Văn Tr mua 01 mảnh đất tại xóm 7, xã T Th , huyện Yên Thành , tỉnh Nghệ An. Nguồn gốc đất là mua của UBND xã T Th , diện tích không được đo cụ thể chỉ được chỉ giới mốc tứ cận: Phía bắc giáp nương nước của xóm, phía tây hộ gia đình bà Vương, phía đông là đường 534, phía nam là mảnh đất gia đình ông Thái Hữu H2 (nay là gia đình ông Thái Hữu Ch). Đến năm 1996 ông Tr đã kê khai và được cấp GCNQ sử dụng đất với diện tích là 750 m² và nhà nước đo lại năm 2012 cấp giấy CNQSD đất mang tên Phan Văn Tr số 535136 số thửa 822, tờ bản đồ số 19, Với diện tích là 1126 m² và liền kề với các gia đình Phía nam giáp nhà anh Ch chị Nh có chiều dài 60m, tây giáp nhà ông anh Sáng (Vương), phía đông giáp mặt đường quốc lộ 48E, phía bắc giáp kênh nương xóm. Trước đây khi ông H2 đang còn sống, ông Tr là xây một con lạch bằng sò (tấp lò) giữa hai gia đình, như ông Tr trình bày là bờ sò giữ đất móng nhà ông Tr , nay anh Ch chị Nh có xây ki ốt và và một số công trình vượt qua khoảng cách mà ông Tr cho rằng đó là đất của ông Tr , lấn chiếm với độ dài khoảng 60m và rộng 30cm bằng diện tích lấn chiếm là 18m² các công trình như bếp chuồng trại đã đổ nước sang nhà ông Tr , ông Tr đã có yêu cầu với anh Ch chị Nh phải tháo dỡ công trình và trả lại đất cho gia đình ông Tr nhưng gia đình anh Ch chị Nh không chấp thuận. Đến ngày 05/01/2017 UBND xã đã mở cuộc hòa giải nhưng không thống nhất được tranh chấp. nay ông Tr khởi kiện lên Tòa án yêu cầu Tòa án buộc anh Ch chị Nh tháo dỡ công trình xây lấn sang đất của gia đình ông Tr , trả lại cho gia đình ông Tr 18 m² đất để cho đất gia đình ông Tr được thẳng theo như yêu cầu của ông.

*** Theo như bị đơn ông Thái Hữu Ch (Thái Văn Ch) và bà Nguyễn Thị Nh trình bày:**

Vợ CH2 ông Thái Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Nh là hàng xóm của ông Tr

, nguồn gốc đất là của ông Thái Văn H2 là bố ông Ch để lại, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I536000 có diện tích 1590m² (đất nông nghiệp bao gồm: tờ bản đồ số 2 thửa 155, 509,41,304 có diện tích 1275m²; còn lại 200m² đất ở và 115m² đất vườn) mang tên Thái Ch (Thái Văn Ch) tại xóm 7 xã T Th , huyện Yên Thành. Quá trình trước đây mảnh đất hai gia đình không phải hiện trạng như bây giờ mà xung quanh đó là ao và ruộng lúa, sau một thời gian khi chưa xây nhà Ch của hai gia đình, ông H2 bố của ông Ch và gia đình ông Tr thống nhất xây một bức ranh giới bằng tường sô táp lô cao khoảng 40cm và chạy từ đường 534 vào đến giữa ranh giới đất của hai nhà,lúc đó bức ranh giới được xây trên bờ ruộng giữa hai nhà và cam kết đó là ranh giới và không được xây các công trình trên ranh giới đó mà phải cách ranh giới 20cm để lấy khoảng trống giữa hai gia đình là 40cm. Bà Nh còn trình bày thêm: vào năm 1992 bà lấy ông Ch về làm dâu của nhà ông H2 và được bố mẹ cH2 tách cho vợ cH2 ông bà một mảnh đất cận kề ông Tr , năm 1996 ông bà làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình chung sống hai gia đình có mối quan hệ hòa thuận, thời điểm đó ông Ch cH2 bà Nh đã làm thợ hàn xì trong một lán trại được dựng trên vị trí như kiot hiện nay (kiot được đập đi xây lại nhiều lần và xây trước cả nhà Ch của ông Tr), bên cạnh kiot còn có bụi tre ngăn cách với sân nhà ông Tr , sau đó ông Tr xây nhà phá dỡ bụi tre, đổ đất và làm sân sát với kiot nhà bà Nh ông Ch , và ông Tr cho rằng nhà bà Nh ông Ch xây lấn các công trình của nhà ông Ch bà Nh trên mốc cam kết và sang đất nhà ông Tr là không có căn cứ. Mốc đất của gia đình ông Ch bà Nh đã được đo đạc cấp đất theo quy định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một căn cứ mà ông Ch bà Nh khẳng định gia đình bà không lấn chiếm đất nhà ông Tr là bờ tường ngăn cách giữa hai nhà ông anh Sáng (Vương) đến chuồng gà nhà ông Ch bà Nh là do ông Tr tự xây, việc xây những bức tường ngăn cách giữa hai nhà cong hay thẳng có lấn chiếm sang nhà ông Ch bà Nh thì ông Tr tự biết vì việc xây tường ông Tr không sang gia đình của ông Ch bà Nh để bàn bạc hay thông qua nên gia đình ông Tr yêu cầu ông Ch bà Nh phá dỡ một số công trình trên đất để trả đất nhà ông Tr được kéo thẳng ông Ch bà Nh không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Tr yêu cầu ông Thái Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Nh phải chịu số tiền định giá và thẩm định tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải

quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015 như sau:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai được quy định tại khoản 9 Điều 26 BLTTDS nên TAND huyện Yên Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đúng theo quy định tại điều 68 BLDS.

Xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự: Trên cơ sở đơn khởi kiện của ông Phan Văn Tr , Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai là đúng theo quy định.

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 174; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 24 Điều 3; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận khởi kiện yêu cầu của ông Phan Văn Tr về việc: yêu cầu buộc ông Thái Hữu Ch tháo dỡ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại 18m² đất cho ông Phan Văn Tr

2. Về án phí: ông Phan Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Phan Văn Tr đã nộp đủ theo biên lai tạm ứng án phí số 7355 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện Yên Thành.

3. Về chi phí đo đạc và định giá: ông Phan Văn Tr phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, ông Phan Văn Tr yêu cầu gia đình ông Thái Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Nh phải phá dỡ một số công trình trên đất để trả lại diện tích

đất lần chiếm $18m^2$, nên xác định đây là quan hệ dân sự tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất theo Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thẩm quyền do Tòa án nhân dân huyện Yên Thành giải quyết.

Về việc chấp hành giấy triệu tập theo tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Văn Tr và bị đơn Thái Hữu Ch ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Nh chấp hành tất cả giấy triệu tập theo Tố tụng của Tòa án và có giấy ủy quyền của các thành viên trong gia đình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét việc ông Phan văn Tr yêu cầu Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông Phan Văn Tr và ông Thái Hữu Ch bà Nguyễn Thị Nh khai trùng khớp với nhau về việc: ông Phan Văn Tr đã chủ động và bỏ tiền để xây một bờ ngăn bằng tấp lô cao khoảng gần 40cm chạy dài từ ngoài đường 48E vào giữa mảnh đất của hai gia đình, và hai gia đình có thỏa thuận bằng mồm không có văn bản, đó là mốc giới giữa hai gia đình và hai gia đình cam kết, không xây dựng công trình trên bờ mốc giới này mà phải xây các công trình cách bờ mốc 20cm, qua kiểm tra thực tế thẩm định thì các công trình nhà Ch của ông Phan Văn Tr và của gia đình ông Ch bà Nh đã xây cách bờ mốc giới như cam kết, còn các công trình nhà bếp của ông Tr đã không thực hiện đúng như cam kết mà đã xây trên mốc giới, các công trình như chuồng gà của gia đình ông Ch bà Nh như kiot đã làm cách đây 30 năm, chuồng gà cũng xây trên phần đất của gia đình ông Ch .

Xét về đơn khởi kiện ông Phan Văn Tr khởi kiện yêu cầu gia đình ông Thái Văn Ch trả lại diện tích đất lần chiếm dài là 60m và chiều rộng là 30cm (diện tích là $18m^2$).Tại buổi thẩm định ngày 22/7/2020 nguyên đơn ông Phan Văn Tr và bị đơn ông Thái hữu Ch có mặt, theo chỉ giới ông Tr bàn giao cho Hội đồng thẩm định và kiểm tra đo đạc thì có kết quả: chiều dài của phần đất lần chiếm là 60m và chiều rộng là 40cm (diện tích là $24m^2$) qua đó thấy việc ông Tr khởi kiện không thống nhất diện tích tranh chấp, qua thẩm định trên diện tích đất tranh chấp có một bờ đốc của ki ốt nhà ông Thái Hữu Ch cao 3,5m và dài 6,2m. Ý kiến của ông Thái Hữu Ch không đồng ý với chỉ giới của ông Tr bàn giao cho Hội đồng thẩm định mà tôn trọng mốc chỉ giới giữa hai nhà đang hiện có lâu nay là bờ sò tấp lô do đích thân ông Phan Văn Tr xây và từ lâu hai gia đình đã lấy mốc đó để đo đạc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang sử dụng ổn định lâu dài từ trước tới nay. Và bờ tường ngăn cách hai gia đình từ phía cuối đất của hai gia đình (từ phía tây giáp nhà ông anh Sáng con

ông Vương) đến chỉ giới giữa đất là chuồng gà nhà ông Ch , phần bờ tường này cũng do ông Phan Văn Tr xây dựng và có phần chéch sang đất nhà ông Ch bà Nh .

Qua kiểm tra và xác minh thực tế, thẩm định tại chỗ trích sơ đồ đo đạc của Văn phòng đăng ký đất huyện Yên Thành, cung cấp, Thửa đất mang tên Phan Văn Tr diện tích là 1126 m² được nhà nước đo lại năm 2012 cấp giấy CNQSD đất số 103575-8 số thửa 822, tờ bản đồ số 19, tại địa chỉ xóm 7 xã T Th , huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và liền kề với các gia đình Phía nam giáp nhà anh anh Ch chị Nh có chiều dài 60m, tây giáp nhà ông anh Sáng (Vương), phía đông giáp mặt đường quốc lộ 48E, phía bắc giáp kênh mương xóm là ổn định không có sự xê dịch hay lấn chiếm, kết xuất bản ảnh từ máy đo đạc thực tế tại buổi thẩm định ngày 22/7/2020 áp vào bản đồ đang được quản lý tại Văn phòng thì trùng khớp với sơ đồ đất của ông Phan Văn Tr , đúng như diện tích hiện có. Nếu đưa bản ảnh trong máy đo đạc theo ông Phan Văn Tr chỉ và bàn giao cho Hội đồng thẩm định đo đạc thì đã cH2 lấn lên phần đất của nhà ông Thái Hữu Ch , diện tích đất của ông Thái Hữu Ch giảm so với thực tế.

Tại phiên tòa ông Phan văn Tr còn trình bày, vào năm 2018 gia đình ông được nhà nước bồi thường một khoản tiền khi giao 11m² đất cho nhà nước để mở rộng đường Quốc lộ 48E, và ông Tr khẳng định việc diện tích đất của gia đình ông không tH hụt, và ông cũng không yêu cầu sự tH hụt về diện tích đất mà chỉ yêu cầu chỉnh lý trên bản đồ cho thẳng với bản đồ 299 như được cấp ban đầu. Đến khi Hội đồng xét xử đề nghị ông Phan Văn Tr khẳng định nội dung khởi kiện như thế nào thì ông Tr đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Qua đó thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phan văn Tr không thống nhất lúc thì yêu cầu chỉnh lý mốc giới và tháo dỡ công trình của gia đình ông Ch không cho nước chảy sang nhà của ông, khi thì giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi lại 18m² đất và tháo dỡ các công trình xây trên đất lấn chiếm.

Bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S là vợ của ông Tr khai rằng khi bà về ở với ông Tr thì hiện trạng đất đã có như hiện nay bà không biết được việc ai lấn ai không, với lại bà chỉ làm vợ ông Tr nhưng không có quyền lợi gì trong mảnh đất mang tên Phan Văn Tr nên bà không có ý kiến gì.

Từ các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy việc ông Phan Văn Tr khởi kiện tại Tòa án yêu cầu gia đình ông Thái Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Nh tháo dỡ một số công trình trả lại đất lấn chiếm với độ dài 60m và rộng 30cm tổng diện tích đất lấn chiếm 18m² là không có căn cứ.

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Do yêu cầu của ông Phan Văn Tr không được chấp nhận nên ông Phan Văn Tr phải chịu các chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 174; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 24 Điều 3; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện yêu cầu của ông Phan Văn Tr về việc: yêu cầu buộc ông Thái Hữu Ch (Thái Văn Ch) tháo dỡ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại 18m² đất cho ông Phan Văn Tr

2. Về án phí: ông Phan Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Phan Văn Tr đã nộp đủ theo biên lai tạm ứng án phí số 7355 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện Yên Thành.

3. Về chi phí đo đạc và định giá: ông Phan Văn Tr phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá là 3.000.000 đồng. Ông Phan Văn Tr đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện Yên Thành;
- CCTHADS huyện Yên Thành;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thái Dương

Từ các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy việc ông Phan Văn Tr khởi kiện tại Tòa án yêu cầu gia đình ông Thái Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Nh tháo dỡ một số công trình trả lại đất lấn chiếm với độ dài 60m và rộng 30cm tổng diện tích đất lấn chiếm 18m² là không có căn cứ.

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Do yêu cầu của ông Phan Văn Tr không được chấp nhận nên ông Phan Văn Tr phải chịu các chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 174; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 24 Điều 3; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện yêu cầu của ông Phan Văn Tr về việc: yêu cầu buộc ông Thái Hữu Ch (Thái Văn Ch) tháo dỡ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại 18m² đất cho ông Phan Văn Tr

2. Về án phí: ông Phan Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Phan Văn Tr đã nộp đủ theo biên lai tạm ứng án phí số 7355 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện Yên Thành.

3. Về chi phí đo đạc và định giá: ông Phan Văn Tr phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá là 3.000.000 đồng. Ông Phan Văn Tr đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Quế

Nguyễn Sỹ Tó

Phạm Thái Dương

